

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 – 17







Số: 035/2021/DFK-HCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, được lập ngày 19 tháng 08 năm 2021, từ trang 03 đến trang 17, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ về khoản lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 11.232.209.061 VND (tại ngày 31/12/2020 là 12.271.016.847 VND) và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm trong các năm gần đây. Những yếu tố này cùng với các vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Nguyễn Anh Tuấn**

**Phó Giám đốc**

*Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

*số 0985-2018-042-1*

*Giấy ủy quyền số 03/UQ/DFK/2021 ngày 02/01/2021*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**

Ngày 19 tháng 08 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

**MẪU B 01a-DN**

*Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>17.693.626.885</b>	<b>48.921.933.198</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>124.713.614</b>	<b>32.868.691</b>
1. Tiền	111		124.713.614	32.868.691
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.565.878.672</b>	<b>48.883.757.582</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	215.160.085	37.809.162.744
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	16.220.640.918	11.975.000.000
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	223.055.963	223.055.963
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.131.622.506	446.646.022
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(224.600.800)	(1.570.107.147)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	-	-
1. Hàng tồn kho	141		297.401.567	297.401.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(297.401.567)	(297.401.567)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.034.599</b>	<b>5.306.925</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.272.326
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		229.246	229.246
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	15	2.805.353	2.805.353
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. TSCĐ hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		62.860.350	62.860.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.860.350)	(62.860.350)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.693.626.885</b>	<b>48.921.933.198</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

MẪU B 01a-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>8.778.969.358</b>	<b>41.046.083.457</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.778.969.358</b>	<b>41.046.083.457</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.335.845.711	38.824.648.058
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.588.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	84.668.038	52.967.481
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.770.447.855	580.460.164
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>8.914.657.527</b>	<b>7.875.849.741</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>8.914.657.527</b>	<b>7.875.849.741</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.232.209.061)	(12.271.016.847)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.271.016.847)	(12.424.791.019)
- Lãi / (Lỗ) kỳ này	421b		1.038.807.786	153.774.172
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.693.626.885</b>	<b>48.921.933.198</b>



LÊ CẢNH TOÀN

Giám đốc

Ngày 19 tháng 08 năm 2021

NGUYỄN TIÊN ĐẠT  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 12, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**MẪU B 02a-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.723.484.436	27.058.818.182
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.723.484.436	27.058.818.182
4. Giá vốn hàng bán	11	19	2.400.000.000	27.053.863.637
5. Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		323.484.436	4.954.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		178.384	40.136
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		18.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	(734.735.057)	213.213.653
10. Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.040.397.877	(208.218.972)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		1.590.091	32.963.317
13. Lợi nhuận khác	40		(1.590.091)	(32.963.317)
14. Lãi/ (lỗ) kế toán trước thuế	50		1.038.807.786	(241.182.289)
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lãi/ (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.038.807.786	(241.182.289)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	519	(121)

**LÊ CẢNH TOÀN**

Giám đốc

Ngày 19 tháng 08 năm 2021

**NGUYỄN TIẾN ĐẠT**

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	1.038.807.786	(241.182.289)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Các khoản dự phòng	3	(1.345.506.347)	(4.407.269.661)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(178.384)	(40.136)
2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	8	(306.876.945)	(4.648.492.086)
Giảm các khoản phải thu	9	32.663.385.257	4.407.669.661
(Giảm) / Tăng các khoản phải trả	11	(32.267.114.099)	148.721.931
Giảm chi phí trả trước	12	2.272.326	11.977.724
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>91.666.539</b>	<b>(80.122.770)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	178.384	40.136
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>178.384</b>	<b>40.136</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	91.844.923	(80.082.634)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.868.691	106.231.876
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>124.713.614</b>	<b>26.149.242</b>



LE CANH TOÀN

Giám đốc

Ngày 19 tháng 08 năm 2021

NGUYỄN TIÊN ĐẠT

Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 12 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 VND

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 12, Tòa nhà Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh: Trung tâm Tư vấn PVPE – Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam tại 302 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của công ty là: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (mã 7110); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (mã 4663); Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (mã 7120); Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (mã 2592); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (mã ngành chính 7490); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mã 4659); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (mã 8299); Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (mã 6619); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt; Bóc xếp hàng hóa; Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Tái chế phế liệu; Bán buôn kim loại, quặng kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (mã 4773); Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Xây dựng công trình dân dụng khác (mã 4299); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Đại lý du lịch; Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí; Sản xuất điện.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày 30/06/2021, Công ty phát sinh khoản lỗ lũy kế là 11.232.209.061 VND (tại ngày 31/12/2020 là 12.271.016.847 VND), dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm trong các năm gần đây và có các khoản công nợ phải trả như được trình bày tại Thuyết minh số 14, 15. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như huy động được sự hỗ trợ về mặt tài chính từ các cổ đông chính và các tổ chức tài chính.

**Kỳ kế toán**

Kỳ hoạt động giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bổ sung, chỉnh sửa có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Lãi tiền gửi** được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện tại. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo thuế suất hiện hành tại thời điểm tính thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác (nếu có) được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	50.490.571	6.666.268
+ VND	50.490.571	6.666.268
Tiền gửi ngân hàng	74.223.043	26.202.423
+ VND	74.223.043	26.202.423
<b>Cộng</b>	<b><u>124.713.614</u></b>	<b><u>32.868.691</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban QLDA điện lực dầu khí Long Phú - Sông Hậu	-	211.256.999
Ban Điều Hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.544.848	1.544.848
Công ty cổ phần Thủy điện Đakrinh	-	57.333.628
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc	-	1.135.910.405
Công ty CP Thủy điện Hòa Na	-	12.762.665
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	146.469.449
Ban Quản lý DA CT Liên hợp Lọc hóa Dầu Nghi Sơn	-	4.829.163
Công ty TNHH TM Đầu tư Việt Thành	-	19.548.340.350
Công ty CP Xây Dựng & Thương Mại Tân Thanh Phát	59.760.000	16.666.760.000
Các đối tượng khác	153.855.237	23.955.237
<b>Cộng</b>	<b><u>215.160.085</u></b>	<b><u>37.809.162.744</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 12, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thiết Bị Điện An Phú (*)	15.800.000.000	11.800.000.000
Các đối tượng khác	420.640.918	175.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.220.640.918</u></b>	<b><u>11.975.000.000</u></b>

Ghi chú: (\*) Theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời số 08/2020/EPC/AP-DKVN ngày 28/11/2020 giữa Công ty TNHH TM và DV Thiết bị Điện An Phú và Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

**8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.963	223.055.963
<b>Cộng</b>	<b><u>223.055.963</u></b>	<b><u>223.055.963</u></b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	-	316.023.516
Ký quỹ	1.129.622.506	129.622.506
Phải thu BHXH, BHYT nộp thừa	2.000.000	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.131.622.506</u></b>	<b><u>446.646.022</u></b>

**10. NỢ XẤU**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	224.600.800	-	1.570.107.147	-
Trong đó:				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Ban Điều Hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	-	1.544.838
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	-	223.055.962

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	297.401.567	297.401.567
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(297.401.567)	(297.401.567)
<b>Cộng</b>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là thiết bị quản lý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 62.860.350 VND (tại ngày 31/12/2020 là 62.860.350 VND).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty cổ phần tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000
Công ty TV Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD thủy lợi VN-CTCP tại Hà Nội	340.489.681	340.489.681
Công ty cổ phần khoáng sản Cổ Kênh	171.244.500	171.244.500
Công ty cổ phần Kinh Bắc - CNJ	115.422.200	115.422.200
Tổng công ty tư vấn thiết kế dầu khí	556.045.763	556.045.763
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Hoàng Hưng	-	19.483.443.265
Công ty TNHH Thương mại Hoàng An Gia	-	5.202.497.862
Công ty Cổ phần Thiết Bị Xây Dựng Hương Giang	-	10.981.861.220
Các đối tượng khác	179.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><u>3.335.845.711</u></u>	<u><u>38.824.648.058</u></u>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban QLDA điện lực dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC Tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>1.588.007.754</u></u>	<u><u>1.588.007.754</u></u>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/06/2021	Số thuế đã nộp	Số thuế phải nộp	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải nộp</b>	<b>84.668.038</b>	<b>210.713.821</b>	<b>242.414.378</b>	<b>52.967.481</b>
Thuế GTGT đầu ra	80.419.439	210.713.821	242.414.378	48.718.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.248.599	-	-	4.248.599
<b>Phải thu</b>	<b>2.805.353</b>	-	-	<b>2.805.353</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.805.353	-	-	2.805.353



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	5.225.264	5.225.264
Cổ tức phải trả cổ đông (*)	294.000.000	294.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	747.550.000	-
Phải trả ông Lê Cảnh Toàn	2.711.388.291	268.950.600
Phải trả khác	12.284.300	12.284.300
<b>Cộng</b>	<b><u>3.770.447.855</u></b>	<b><u>580.460.164</u></b>

*Ghi chú: (\*) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQĐHCD-TVĐLDK năm 2012 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty điện lực Dầu khí Việt Nam.*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2020	20.000.000.000	146.866.588	(12.424.791.019)	7.722.075.569
Lãi/ (Lỗ) trong kỳ	-	-	(241.182.289)	(241.182.289)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>146.866.588</u></b>	<b><u>(12.665.973.308)</u></b>	<b><u>7.480.893.280</u></b>
Tại ngày 01/01/2021	20.000.000.000	146.866.588	(12.271.016.847)	7.875.849.741
Lãi/ (Lỗ) trong kỳ	-	-	1.038.807.786	1.038.807.786
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>146.866.588</u></b>	<b><u>(11.232.209.061)</u></b>	<b><u>8.914.657.527</u></b>

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoàng Thị Ngát	4.363.000.000	-
Huỳnh Thị Kim Phao	3.124.000.000	-
Trần Thị Thu Hiền	1.041.000.000	4.162.000.000
Lê Văn Quang	-	3.611.000.000
Nguyễn Văn Đức	-	3.500.000.000
Quách Mỹ Hoa	3.020.000.000	3.346.000.000
Lê Cảnh Toàn	2.715.000.000	1.035.000.000
Các cổ đông khác	5.737.000.000	4.346.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 12, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000

*(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu***18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hoá	-	27.058.818.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.723.484.436	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.723.484.436</u></b>	<b><u>27.058.818.182</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa bán ra	-	27.053.863.637
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.400.000.000</u></b>	<b><u>27.053.863.637</u></b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	216.000.000	106.735.593
Thuế, phí và lệ phí	3.430.980	19.100.000
Chi phí dự phòng	(1.345.506.347)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.931.667	30.400.336
Chi phí bằng tiền khác	250.408.643	56.977.724
<b>Cộng</b>	<b><u>(734.735.057)</u></b>	<b><u>213.213.653</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	216.000.000	106.735.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.931.667	30.400.336
Chi phí bằng tiền khác	253.839.623	76.077.724
<b>Cộng</b>	<b><u>610.771.290</u></b>	<b><u>213.213.653</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 12, Chamvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.038.807.786</b>	<b>(241.182.289)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.038.807.786	-
<i>Lỗi năm trước chuyển sang</i>	<i>1.038.807.786</i>	-
Cộng: Các khoản chênh lệch tỷ giá không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(241.182.289)</b>
Thuế TNDN với thuế suất 20%	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**23. LÃI/ (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.038.807.786	(241.182.289)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	1.038.807.786	(241.182.289)
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần</b>	<b>519</b>	<b>(121)</b>

**24. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

<i>Tên đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Lê Cảnh Toàn	Giám đốc

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<b>Thu nhập của Giám đốc và HĐQT</b>		
Ông Lê Cảnh Toàn	72.000.000	45.000.000
<b>Cho mượn</b>		
Ông Lê Cảnh Toàn	4.011.000.000	543.533.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 12, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

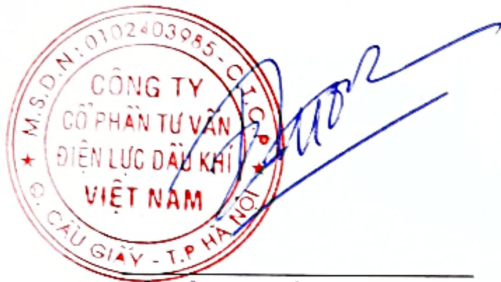
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan như sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải trả khác</b>		
Ông Lê Cảnh Toàn	2.711.388.291	268.950.600
Tạm ứng		
Ông Lê Cảnh Toàn	-	316.023.516



**LÊ CẢNH TOÀN**

Giám đốc

Ngày 19 tháng 08 năm 2021

**NGUYỄN TIẾN ĐẠT**

Kế toán trưởng







Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế DFK  
DFK Viet Nam Auditing Company - A Member of DFK International

**Ho Chi Minh Office**

45 Bach Dang St., Tan Binh Dist.  
T. 84 28 3547 1242  
F. 84 28 3547 1450  
Web: [www.dfkvietnam.com](http://www.dfkvietnam.com)

**Hanoi Office**

01 Nguyen Huy Tuong St., Thanh Xuan  
T. 84 24 3559 2222

**Binh Duong Office**

11 Thich Quang Duc St.  
T. 0274 389 7292  
F. 0274 389 7149